

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2019.
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Minh;

Bà Lê Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hánh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, về “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971;

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1968;

Cùng cư trú tại: Ấp LT, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2019 và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vợ chồng bà chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng cất nhà ở riêng trên đất của vợ chồng nhận chuyển nhượng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm không giống nhau, chồng thường có

những lời lẽ thô tục xúc phạm đến bà. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Văn B, sinh ngày 05-10-1990, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà yêu cầu ly hôn với ông H. Về con chung: Hiện cháu B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của vợ ông là đúng về thời gian sống chung, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong đời sống vợ chồng. Hiện nay, vợ chồng vẫn sống chung một nhà.

Nay ông đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H.

Về con chung: Riêng cháu B đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông H, ông H đồng ý. Xét thấy bà T và ông H chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà T có yêu cầu ly hôn với ông H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Văn B, sinh ngày 05-10-1990, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà T pH chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn H.

2. Về con chung: 01 con chung tên Lê Văn B, sinh ngày 05-10-1990, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T pH chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0017293 ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị Chung đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã GL;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm